

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO QUANG HIẾU

**TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC
DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN
BẢO VỆ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hoàng Xuân Châu

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

ĐÀO QUANG HIẾU

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐVHD	Động vật hoang dã
TA	Toà án
THTT	Tiền hành tố tụng
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ	8
1.1. Lịch sử lập pháp hình sự về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.....	8
1.2. Yếu tố cấu thành của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.....	17
1.3. Trách nhiệm hình sự của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm.....	22
Chương 2: THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC NGUY CẤP, QUÝ HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	33
2.1. Định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.....	33
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội	55
Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	69

3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	70
3.2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội	70
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta lãnh đạo đã và đang thu được những thành tựu lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, chính sự tăng trưởng kinh tế nhanh đang gây ra nhiều hệ lụy mà lĩnh vực môi trường đang là vấn đề nóng trong thời gian gần đây. Hàng loạt những vụ việc xâm phạm đến cảnh quan, môi trường, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD), quý hiếm hết sức nghiêm trọng của người dân, của các doanh nghiệp vừa qua đã gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Việt Nam là quốc gia có đa dạng sinh học đứng thứ 16 trên thế giới, với trên 75 loài duy nhất chỉ nước ta mới có nhưng ý thức của người dân trong việc bảo vệ, bảo tồn những loài ĐVHD quý hiếm đang ngày càng ít đi về số lượng ở nước ta hiện nay có thể nói là chưa cao. Một điều dễ thấy nhất là đến bất kì một tỉnh, thành phố nào ở Việt Nam đều có thể bắt gặp những quán "Thịt Rừng" với những lời quảng cáo hết sức cuốn hút về nguồn gốc hoang dã của các động vật.

Bảo vệ động vật và thực vật quý, hiếm là một việc quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường nói chung đang được thế giới đặc biệt quan tâm. Nước ta đã có nhiều đóng góp tích cực thực hiện có hiệu quả Công ước Quốc tế về chống buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (gọi tắt Công ước CITES) mà Việt Nam là quốc gia thành viên. Đứng trước nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ động vật hoang dã, quý hiếm ngày càng gia tăng, kéo theo đó là nạn săn, bắt, buôn bán, vận chuyển trái phép các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm với những thủ đoạn rất tinh vi, phức tạp làm suy giảm sự đa

dạng sinh học. Hơn hai thập kỷ qua, kể từ khi Nghị định 18/HĐBT về quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ được Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành năm 1992, Việt Nam đã dành nhiều sự quan tâm cho công tác bảo tồn các loài sinh vật nguy cấp, quý, hiếm. Nhằm cụ thể hóa việc quản lý và bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Luật Đa dạng sinh học (2008) cũng như phù hợp với sự sửa đổi Điều 190 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật hình sự (BLHS) (2009), ngày 12/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (gọi tắt là Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ). Theo đó, loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ phải đáp ứng hai tiêu chí: (i) số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng; (ii) là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học; y tế; kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa - lịch sử theo quy định.

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo tồn ĐVHD, quý hiếm, cũng như trong công tác đấu tranh với loại tội phạm này đã góp phần đặc biệt quan trọng trong việc ngăn chặn, đẩy lùi nạn săn bắt, giết hại các loại động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, bảo tồn loài cũng tồn tại nhiều hạn chế và bất cập.

Hà Nội là một trong những địa phương trong thời gian qua có tình hình tiêu thụ các loại ĐVHD, quý hiếm với số lượng lớn. Rất nhiều đối tượng vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, hoặc bộ phận cơ thể của các loài trên bị phát hiện, xử lý. Nhưng hiện tượng vận chuyển, mua bán, tiêu thụ các

loại ĐVHD, quý hiếm thuộc Danh mục được bảo vệ vẫn không giảm mà có xu hướng gia tăng.

Với những lý do nêu trên, việc triển khai nghiên cứu đề tài "***Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội***" làm luận văn thạc sĩ luật là cần thiết, vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài này, có thể nêu ra một số công trình như:

- Lê Thế Tiêm (2002), *Thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh (Đồng chủ biên) (2002), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- Cục Cảnh sát Môi trường, Tổng cục Cảnh sát điều tra, phòng, chống tội phạm, Bộ Công an (2008), *Báo cáo chuyên đề điều tra chống buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã*, Hà Nội.

- Hùng Cường (2011), "'Cuộc chiến' bảo tồn động vật hoang dã", *vov.org.vn*, ngày 14/4.

- D.Hải (2011), "100.000 người Việt cam kết không dùng mật gấu", *laodong.com.vn*, ngày 28/9.

- Đặng Huy Huỳnh, (2010), "Các loài động vật hoang dã nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, thực trạng và giải pháp bảo tồn ở Việt Nam", *rimf.org.vn*, ngày 29/12.

- Đào Lệ Thu (2004), *Các tội phạm về môi trường - so sánh giữa luật hình sự Thụy Điển và luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Nhìn chung, các công trình khoa học nêu trên đã có những đóng góp cơ bản về lý luận và thực tiễn có liên quan đến loại tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ từ thực tiễn thành phố Hà Nội. Do đó, tiếp thu, kế thừa và phát triển những giá trị khoa học của các công trình nêu trên, đồng thời, với tư cách là một cán bộ Kiểm lâm đã có nhiều năm công tác trên địa bàn, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài "***Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội***".

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ Luật, tác giả tập trung nghiên cứu tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ từ thực tiễn ở thành phố Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015. Với chủ thể được nghiên cứu là Chi cục Kiểm lâm thành phố Hà Nội.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích của luận văn

Đề xuất phương hướng và giải pháp bảo đảm hiệu quả đấu tranh với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở thành phố Hà Nội.

4.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Phân tích những vấn đề lý luận liên quan đến tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ như:

+ Lịch sử quy định về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo pháp luật hình sự Việt Nam.

+ Dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Đánh giá thực tiễn xét xử đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp bảo đảm hiệu quả xử lý, đấu tranh đối với tội phạm này trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách bộ máy nhà nước nói chung và cải cách tư pháp nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của Triết học Mác-Lênin, trong đó chú trọng các phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phân tích và tổng hợp, lịch sử cụ thể. Ngoài ra luận văn còn sử dụng một số phương pháp của các bộ môn khoa học khác như thống kê, so sánh, xã hội học, lý thuyết hệ thống...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần vào việc xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ cho hoạt động nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn cả nước nói chung và ở Hà Nội nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Chương 2: Thực tiễn xét xử tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 3: Các biện pháp nâng cao hiệu quả xử lý đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ

1.1. Lịch sử lập pháp hình sự về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

1.1.1. Thời kỳ từ năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến với chính thể quân chủ chuyên chế nên không có hiến pháp, không có đạo luật cơ bản. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sau khi đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" lịch sử ngày 02/9/1945 khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Hồ Chủ tịch đã đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ; một trong những nhiệm vụ cấp bách đó là xây dựng hiến pháp. Về vấn đề hiến pháp, Người viết: "*Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên nước ta không có hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ*" [21, tr 356].

Trên cơ sở đánh giá tình hình quốc tế và trong nước, ngày 25/11/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "kháng chiến kiến quốc", vạch rõ chiến lược và nhiệm vụ cần kíp của cách mạng nước ta. Chỉ thị xác định "cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng", khẩu hiệu đấu tranh vẫn là "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết". Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược.

Nhà nước ta thời kỳ này chưa có nhiều văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật còn đơn giản. Mặc dù sau đó, nhà nước có ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật hình sự như: Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/2/1946 về trừng trị tội phá hoại công sản, Sắc lệnh 223/SL ngày 17/11/1946 quy định truy tố các tội hối lộ, biển thủ công quỹ... tuy nhiên, pháp luật hình sự thời kỳ này chưa thể điều chỉnh hết được các lĩnh vực đang bị hành vi nguy hiểm của con người xâm phạm. Thời kỳ này, lĩnh vực môi trường nói chung cũng như tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ hầu như chưa được đề cập đến. Duy nhất chỉ có Thông tư liên Bộ số 1303-BCN/VN của liên Bộ Nội vụ - Canh nông về việc bảo vệ rừng, trong đó nhấn mạnh: *"ai vi phạm các lệnh cấm chặt, phá rừng sẽ bị phạt tù, phạt tiền theo thể lệ đã được ấn định từ trước"* là có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, tuy nhiên chỉ quan tâm đến việc bảo vệ các loại thực vật mà chưa quan tâm đến việc bảo vệ các loài ĐVHD.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, nhiệm vụ quan trọng của nước ta lúc này là giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước sau chiến tranh nên Đảng và nhà nước ta chưa có điều kiện tập trung vào vấn đề bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ các ĐVHD, quý hiếm nói riêng.

Trong giai đoạn từ 1954 - 1975, Nhà nước cũng đã ban hành Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng ngày 6/9/1972. Đây là thời điểm đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về công tác bảo vệ các tài nguyên rừng trong đó các ĐVHD. Việc Nhà nước ban hành pháp lệnh đã cho thấy ít nhiều, chúng ta cũng đã nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ một trong những tài nguyên quý giá nhất của đất nước.

Trải qua thời gian thực hiện hai kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), Việt Nam đạt được những kết quả nhất định trên cả hai phương diện xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc, song cũng gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải tiến hành công cuộc đổi mới.

Sự phát triển của nền kinh tế cho thấy những mặt tiến bộ nhưng kéo theo đó là những mặt trái của xã hội, sự suy thoái về đạo đức, lối sống ngày càng gia tăng, tình trạng phá huỷ nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng nghiêm trọng. Nhận thức được điều đó, Nhà nước ta đã quan tâm hơn đến vấn đề bảo vệ môi trường nói chung. Mở đầu cho những hoạt động lập pháp có ý nghĩa đối với việc bảo vệ môi trường là việc tạo ra một cơ sở pháp lý quan trọng tại Điều 13 Hiến pháp 1980: "Các cơ quan nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân đều có nghĩa vụ thực hiện chính sách bảo vệ, cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải tạo môi trường sống" [25]. Đây là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng BLHS năm 1985 đã xây dựng một số tội danh liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó có chứa đựng nội dung bảo vệ các ĐVHD, quý hiếm.

1.1.2. Thời kỳ từ khi có Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi có Bộ luật hình sự năm 1999

Ngày 27 tháng 6 năm 1985, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua BLHS Việt Nam đầu tiên và cũng là Bộ luật đầu tiên của chúng ta được ban hành. Khi BLHS này có hiệu lực thi hành thì cũng là lúc sự nghiệp đổi mới bắt đầu.

Trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật hình sự có vị trí rất quan trọng. Nó là một công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh với

mọi hành vi phạm tội, góp phần hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong BLHS năm 1985, các tội danh liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định rải rác tại các Chương VII "Các tội phạm về kinh tế" và Chương VIII "Các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính" bao gồm các điều 180, 181, 195 và 216, trong đó Điều 181 quy định:

“1. Người nào khai thác trái phép cây rừng, săn bắt trái phép chim, thú hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm”.

Các Điều 180, 181, 195 và 216 có chứa đựng nội dung bảo vệ bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Có thể thấy, BLHS năm 1985 chưa thể hiện rõ tính cấp bách và tầm quan trọng đặc biệt của việc đấu tranh với các hành vi xâm hại môi trường nói chung và bảo vệ các ĐVHD nói riêng.

Trong khoảng 15 năm tồn tại, BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997. Qua bốn lần sửa đổi, bổ sung có trên 100 lượt điều luật được sửa đổi hoặc bổ sung. Với những sửa đổi, bổ sung này luật hình sự đã có sự phát triển đáp ứng được phần nào đòi hỏi của cuộc đấu tranh với tội phạm trong điều kiện đổi mới.

1.1.3. Thời kỳ từ khi có BLHS năm 1999 đến nay

Đến thời điểm này, nhận thức của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường đã trở nên sâu sắc hơn. Vì vậy, nhiều chính sách về bảo vệ môi trường đã được Đảng và Nhà nước ban hành nhằm nâng cao công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật quý hiếm. Ngày 25/6/1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 36/CT-TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó nhấn mạnh: "Bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại". Nhà nước ta đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến môi trường như: Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993; Luật Bảo vệ phát triển rừng năm 1991; Pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành danh mục động vật, thực vật rừng quý hiếm...

Cho đến khi ban hành BLHS năm 1999, trong thực tế việc xử lý tội phạm này chủ yếu là các hành vi liên quan đến phá rừng, khai thác gỗ trái phép và tỉ lệ áp dụng cũng không nhiều.

Trong Tờ trình Quốc hội về dự án BLHS (sửa đổi) của Chính phủ số 1218/CP-PC ngày 19/10/1998, một trong những quan điểm được quán triệt trong quá trình soạn thảo Bộ luật là "*Bảo vệ môi trường sinh thái*". Những quan điểm chỉ đạo nêu trên của Đảng và Nhà nước ta đã trở thành định hướng quan trọng cho việc xây dựng các quy định về các tội phạm về môi trường trong BLHS 1999. Nhà nước ta đã khẳng định một trong những nhiệm vụ của BLHS là: "đảm bảo cho mọi người được sống trong một môi trường xã hội và sinh thái an toàn, lành mạnh và mang tính nhân văn cao". BLHS năm 1999 là sự thể chế hoá tinh thần của Hiến pháp năm 1992. Về bảo vệ tài nguyên môi trường, Hiến pháp 1992 tiếp tục quy định: "Các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, mọi công

dân phải thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sống. Nghiêm cấm mọi hành vi làm suy kiệt tài nguyên và hủy hoại môi trường" [27]. Trong BLHS năm 1999, các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng đã được cá thể hóa bằng 10 tội danh cụ thể và được quy định trong một chương riêng: Chương XVII - Các tội phạm về môi trường với các điều từ Điều 182 đến Điều 191.

Tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm được quy định trong BLHS năm 1999 như sau:

“1. Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến ba năm”.

Tại khoản 2 Điều 190 quy định các hành vi phạm tội thuộc trường hợp định khung tăng nặng thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Khoản 3 quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Như vậy, Điều 190 BLHS năm 1999 đã quy định rõ ràng hành vi phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm là hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại ĐVHD, quý hiếm đó.

BLHS năm 1999 từ khi có hiệu lực thi hành đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh với tội phạm này, góp phần tích cực

vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, qua 8 năm thi hành, BLHS hiện hành đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế đòi hỏi phải được khắc phục như: do ban hành từ năm 1999, nên BLHS chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (sau đây gọi là Nghị quyết số 08/NQ-TW) và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (sau đây gọi là Nghị quyết số 49/NQ-TW); một số quy định của BLHS về cấu thành của một số tội phạm, trong đó có tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này trên thực tế; quy định của BLHS về tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm tỏ ra không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm này trong điều kiện mới.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sửa đổi, bổ sung BLHS, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp (cơ quan chủ trì soạn thảo) phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổ chức việc tổng kết, khảo sát, đánh giá về tình hình 8 năm thi hành BLHS; tổ chức nghiên cứu chuyên đề, đề tài khoa học; tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia trong nước và nước ngoài về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung BLHS.

Ngày 19 tháng 06 năm 2009, Quốc hội đã ban hành Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999, trong đó sửa đổi “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm” tại Điều

190 thành “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”, với các quy định như sau:

“1. Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Khoản 2 của điều luật quy định các hành vi thuộc trường hợp định khung tăng nặng thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Khoản 3 quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền và cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Như vậy, về mặt hình thức thì Điều 190 BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009 được xây dựng trên nền của điều luật cũ, nhưng về nội dung của các quy định thì có sự khác biệt. Luật mới đã chỉnh sửa về mặt kỹ thuật Điều 190 về tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm cho phù hợp với quy định mới của Luật bảo vệ môi trường và cho phù hợp với thực tế.

Điều 190 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 hiện vẫn đang có hiệu lực áp dụng. Tuy nhiên, do phạm vi sửa đổi BLHS chỉ giới hạn trong một số điều, nên chưa thể khắc phục được đầy đủ, toàn diện những bất cập của BLHS trong thực tiễn. Một số bất cập, hạn chế như:

Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế thị trường định hướng định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta đã có những bước phát triển quan trọng, từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và đã mang lại những lợi ích to lớn, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề đấu tranh với tội phạm. Tuy nhiên, BLHS

hiện hành nhìn chung vẫn là sản phẩm mang đậm dấu ấn của thời kỳ đầu của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, do vậy, chưa thực sự phát huy tác dụng trong việc bảo vệ và thúc đẩy các nhân tố tích cực của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển một cách lành mạnh.

Quy định của Bộ luật về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tỏ ra không còn phù hợp với điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, chưa đáp ứng được với cuộc đấu tranh với loại tội phạm này trước tình hình nạn săn bắt, giết hại động vật quý hiếm ngày càng gia tăng.

BLHS hiện hành chưa cập nhật được đầy đủ, kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, nguy hiểm cao cho xã hội, trong đó tình trạng tội phạm về bảo vệ động vật quý, hiếm ngày một gia tăng để có biện pháp xử lý hình sự thích đáng.

Ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLHS năm 2015 với quy định mới về loại tội phạm này tại Điều 234 - Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 - Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nội dung cơ bản của hai điều luật này quy định phù hợp với Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm. Các khoản từ 1 đến 3 quy định hình phạt chính đối với các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ thì bị phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù có thời hạn. Khoản 4 của điều luật quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Khoản 5 quy

định về hình phạt đối với pháp nhân thương mại. BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

1.2. Yếu tố cấu thành của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm phạm. [38]

Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là tội xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ ĐVHD quý hiếm, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội.

Đối tượng tác động của tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ chính là các loại ĐVHD quý hiếm.

ĐVHD thì nhiều loài nhưng ĐVHD quý hiếm chỉ có một số loài được quy định trong danh mục các loài ĐVHD, quý hiếm. Động vật quý, hiếm là loài động vật có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng thuộc Danh mục các loài động vật quý, hiếm do Chính phủ quy định chế độ quản lý, bảo vệ theo chế độ đặc biệt.

1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

- Về hành vi khách quan của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ quy định tại Điều 190 BLHS sửa đổi năm 2009 gồm các nhóm hành vi sau:

+ Vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là việc vận chuyển, buôn bán các loại sản phẩm như thịt, xương, sừng, da, lông, ngà, móng, vảy, răng và các bộ phận khác từ cơ thể các loài động vật rừng hoang dã, quý hiếm thuộc nhóm IB (ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm) mà không có giấy tờ hợp pháp.

Người phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có thể thực hiện một hoặc một số hành vi sau:

- Săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Săn bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là dùng các loại vũ khí hoặc phương tiện khác để bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; có thể bắn chết hoặc bắt sống.

Giết động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là làm cho ĐVHD quý hiếm chết sau khi đã bắt được.

Vận chuyển động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là hành vi dịch chuyển động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ từ này sang nơi khác bằng bất cứ phương tiện gì, không bao gồm hành vi buôn bán; nếu người buôn bán động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đồng thời vận chuyển động vật đó thì chỉ coi là buôn bán.

Buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là mua để bán ĐVHD quý hiếm nhằm thu lợi nhuận.

- Vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Sản phẩm của động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ chính là các bộ phận cấu thành cơ thể của loại động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ cụ thể và các sản phẩm được chế tạo từ các bộ phận đó như: thịt, xương, da, sừng, mật, lông... và các sản phẩm được chế tạo từ các bộ phận đó như: cao xương, cao toàn tính, mũ lông, áo lông...

- *Hậu quả*

Đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi khách quan là tội phạm đã hoàn thành. Tuy việc xác định hậu quả của tội phạm cũng rất cần thiết vì nó là tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, nếu người phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 190 BLHS.

- *Các dấu hiệu khách quan khác*

Đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, tuy nhà làm luật không quy định thêm các dấu hiệu khách quan khác là dấu hiệu bắt buộc, nhưng muốn xác định hành vi phạm tội thì không thể không nghiên cứu các quy định của Nhà nước mà cụ thể là danh mục các loại động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do Chính phủ ban hành.

1.2.3. Chủ thể của tội phạm

Theo pháp luật hình sự Việt Nam chủ thể của tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định. Người có năng lực trách nhiệm hình sự là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy.

Chủ thể của tội phạm này không phải là chủ thể đặc biệt, chỉ cần người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đến một độ tuổi theo quy định của BLHS thì đều có thể trở thành chủ thể của tội phạm này.

Chỉ những người đủ 16 tuổi trở lên mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, vì cả khoản 1 và khoản 2 của điều 190 BLHS sửa đổi năm 2009 không có trường hợp là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

BLHS sửa đổi năm 2009 chưa quy định pháp nhân là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự, nhưng đến BLHS năm 2015 thì đã có quy định pháp nhân thương mại là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự. Tại điều 2 BLHS năm 2015 quy định về cơ sở của trách nhiệm hình sự: “*Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Và tại Điều 8 BLHS năm 2015 về khái niệm tội phạm cũng quy định chủ thể của tội phạm là cá nhân hoặc pháp nhân thương mại.

Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của Việt Nam, vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân đã được đặt ra và quy định trong BLHS, và cũng là lần đầu tiên BLHS của nước ta quy định thành một

chương riêng quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

Khái niệm pháp nhân được quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005 như sau: “*Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:*

- 1. Được thành lập hợp pháp;*
- 2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;*
- 3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;*
- 4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập”.*

Nhưng Bộ luật dân sự năm 2005 không quy định thế nào là pháp nhân thương mại.

Ngày 24 tháng 11 năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2017. Theo quy định tại Điều 75 Bộ luật dân sự năm 2015 thì khái niệm pháp nhân thương mại lần đầu tiên được quy định trong điều luật cụ thể. Điều 75 quy định như sau:

“1. Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên.

2. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

3. Việc thành lập, hoạt động và chấm dứt pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định của Bộ luật này, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Qua quy định trên, có thể hiểu pháp nhân thương mại là tổ chức có tư cách pháp nhân, mục tiêu chính khi thành lập và trong quá trình hoạt động

của pháp nhân thương mại là tìm kiếm lợi nhuận.

1.2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Người thực hiện hành vi phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là do cố ý, tức là họ nhận thức được hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động đó đã bị Nhà nước cấm nhưng họ vẫn thực hiện.

Nếu vì một lý do nào đó mà họ hoàn toàn không biết hoặc không buộc họ phải biết đó là động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì không coi là cố ý và không bị coi là phạm tội này mà tùy trường hợp có thể họ chỉ bị xử phạt hành chính.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 8 BLHS về khái niệm tội phạm, có thể đưa ra khái niệm về tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm như sau:

Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là hành vi săn, bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Chính phủ hoặc hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội.

1.3. Trách nhiệm hình sự của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm

Có thể nói, chế độ quản lý của Nhà nước nói chung và chế độ quản lý Nhà nước về bảo vệ ĐVHD quý hiếm nói riêng được pháp luật Việt Nam tôn trọng và bảo vệ bằng việc ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật. Người có hành vi xâm phạm đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội sẽ bị trừng trị, xử lý nghiêm khắc. Thể hiện quan điểm này, pháp luật hình sự Việt Nam (*BLHS 1999, sửa đổi năm 2009*), quy định là tội phạm và xử lý nghiêm khắc đối với người phạm tội này. BLHS 1999 sửa đổi năm 2009 quy định 2 khung hình phạt, tương ứng với 2 mức độ hậu quả khác nhau và hình phạt bổ sung tại khoản 3.

1.3.1. Khung cơ bản (Khoản 1 Điều 190)

Đây là tội ít nghiêm trọng, được quy định ở Khoản 1 Điều 190 BLHS về chế tài lựa chọn giữa hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù. Người phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có thể bị áp dụng hình phạt "phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm" khi thỏa mãn một trong các dấu hiệu sau:

Thứ nhất, săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ là việc săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong nhóm IB thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm (Ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ) không được cơ

quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng thực hiện không đúng với quy định trong giấy phép được cấp.

Thứ hai, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật đó.

Vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật đó là vận chuyển, buôn bán các loại sản phẩm như thịt, xương, sừng, da, lông, ngà, móng, vẩy, răng và các bộ phận khác từ cơ thể các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB mà không có giấy tờ hợp pháp. Trường hợp các loại sản phẩm này đã được chế biến, chế tác thành hàng hoá hoặc nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất... thì xử lý theo quy định của pháp luật đối với hàng cấm.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các căn cứ pháp lý khác để đưa ra hình phạt hợp lý, nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có tài sản hoặc thu nhập thì có thể áp dụng hình phạt tiền tại Điều 30 BLHS. Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 BLHS, không có tình tiết tăng nặng, thì có thể được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại Điều 31 BLLHS. Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS, không có tình tiết giảm nhẹ hoặc nếu có nhưng mức độ giảm nhẹ không đáng kể, thì có thể bị phạt đến ba năm tù; nếu có đủ điều kiện quy định tại Điều 60 BLHS thì có thể được hưởng án treo.

1.3.2. Khung tăng nặng (Khoản 2 Điều 190)

Được quy định ở khoản 2 Điều 190 BLHS, quy định chế tài lựa chọn

từ hai đến bảy năm tù khi có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau:

a) Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ một cách có tổ chức

Là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Những người đồng phạm vừa có sự liên kết chặt chẽ với nhau, vừa có sự phân công vai trò, nhiệm vụ. Nhóm tội phạm được hình thành với phương hướng hoạt động có tính lâu dài, bền vững. Trong nhóm tồn tại quan hệ chỉ huy - phục tùng trong đó có người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Tuy nhiên tùy từng trường hợp mà mới có đủ các người trên, hoặc có trường hợp không có người xúi giục và người giúp sức, nhưng nhất định phải có người tổ chức, người thực hành thì mới là phạm tội có tổ chức. Người thực hành trong vụ án Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

b) Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn

“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 190 BLHS là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng mà sử dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 190 BLHS.

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ.

c) Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài

nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bằng cách sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm

“Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm” là sử dụng các loại vũ khí quân dụng (kể cả đã được cải biến), các loại tên tẩm thuốc độc hoặc dùng chất độc, đào hầm, hố, cắm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy cắm chông, bẫy gài lao, bẫy sập, dùng khúc gỗ lớn hoặc răng sắt lớn, dùng đèn soi, gài súng và các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt ở địa bàn đó hoặc đối với loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đó.

d) Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc trường hợp săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm

- “Săn bắt trong khu vực bị cấm” là săn bắt trong khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc săn bắt trong các khu vực rừng có quy định cấm khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- “Săn bắt vào thời gian bị cấm” là săn bắt động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc vào mùa di cư đến của chúng.

đ) Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

- “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” là khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB với số lượng cá thể tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 0/3/2007 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ tư pháp, Bộ công

an, VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của BLhs về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

+ Vận chuyển, buôn bán các sản phẩm của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng;

+ Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm có số lượng cá thể dưới mức “gây hậu quả rất nghiêm trọng” tại Phụ lục kèm theo Thông tư 19/2007 và còn vận chuyển, buôn bán trái phép các sản phẩm của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB có giá trị đến năm mươi triệu đồng.

- “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” là khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB với số lượng cá thể tại Thông tư 19/2007;

+ Vận chuyển, buôn bán trái phép các sản phẩm của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB có giá trị từ trên một trăm triệu đồng;

+ Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB có số lượng cá thể ở mức “gây hậu quả rất nghiêm trọng” tại Thông tư 19/2007 và còn vận chuyển, buôn bán trái phép các sản phẩm của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

- Trường hợp săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB từ hai loài trở lên thì việc xác định “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”

tại Thông tư 19/2007 như sau:

+ Nếu căn cứ vào số lượng cá thể một loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” thì xác định trường hợp đó là “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Số lượng các cá thể các loài khác được xem xét khi quyết định hình phạt.

+ Nếu căn cứ vào số lượng cá thể từng loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm chỉ là “gây hậu quả rất nghiêm trọng” hoặc “dưới mức gây hậu quả nghiêm trọng” thì lấy tổng số lượng cá thể của các loài so sánh với loài có số lượng cá thể cao nhất tại Thông tư 19/2007 để xác định trong trường hợp cụ thể đó thuộc khoản 1 Điều 190 BLHS hay là “gây hậu quả rất nghiêm trọng” hoặc “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.

1.3.3. Về hình phạt bổ sung đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm (khoản 3 Điều 190)

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Chỉ áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung nếu hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo không phải là hình phạt tiền.

VKSND có thể áp dụng một loại hình phạt bổ sung nhưng cũng có thể áp dụng tất cả các loại hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 của điều 190 BLHS.

Khi áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cần tuyên rõ cấm đảm nhiệm những chức vụ cụ thể gì, cấm hành nghề gì và cấm làm công việc cụ thể gì, mà không tuyên chung chung như quy định của điều luật.

1.3.4. Trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt và đồng phạm

- Phạm tội chưa đạt

"Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội" [32].

Do vậy người phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm nhưng không thực hiện được đến cùng hành vi của mình vì những nguyên nhân ngoài ý muốn thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt trong mọi trường hợp và theo Điều 52 BLHS quy định về cách áp dụng hình phạt là như sau:

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định [32].

Như vậy, TAND có thể áp dụng hình phạt tù trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm không quá ba phần tư mức hình phạt tù tại khoản 1 và khoản 2 Điều 190 BLHS.

- Đồng phạm

"Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm" [32].

Đồng phạm là trường hợp phạm tội có ít nhất từ hai người trở lên cùng tham gia, những người này có thể tham gia với vai trò người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Trong vụ đồng phạm có thể có cả bốn người trên, cũng có thể chỉ có người thực hành. Những hành

vi của đồng phạm là sự liên kết thống nhất hỗ trợ cho nhau để cùng gây ra hậu quả.

Trong tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, những người đồng phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự chung về tội phạm đã thực hiện.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó. [32].

Ngoài ra, quy định cá thể hóa trách nhiệm hình sự là thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta với tội phạm: Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, có ý gây hậu quả nghiêm trọng.

1.3.5. Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân

BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 không quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Đây là một nội dung mới, quan trọng, làm thay đổi cơ bản chính sách hình sự truyền thống, bên cạnh nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, luật hình sự Việt Nam đã đặt ra trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong một số tội theo quy định của BLHS. Điều này, đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh, xử lý tội phạm trong tình hình hiện nay, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo quy định tại Điều 75 Bộ luật dân sự năm 2015 thì pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Quy định về pháp nhân thương mại như trên để phân biệt với các pháp nhân phi thương mại khác.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là vấn đề mới được đặt ra, Việt Nam chưa có kinh nghiệm thực tiễn về chế định này, do vậy việc xác định các tội danh mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự cần thận trọng, có bước đi phù hợp, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm và phổ biến của những hành vi vi phạm xảy ra trong thực tiễn để quy định trong BLHS nhằm xử lý hành vi phạm tội. Theo quy định tại Điều 76 BLHS 2015 về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự thì pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm, trong đó có Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã tại Điều 234 và Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Điều 244.

Khoản 5 Điều 234 BLHS quy định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 3 năm hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu thuộc trường hợp tại Điều 79 BLHS. Ngoài ra, hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Tại khoản 5 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định hình phạt đối với pháp nhân thương mại nếu phạm tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm thì có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu thuộc trường hợp tại Điều 79 BLHS. Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân. Do vậy, trong quá trình áp dụng, giải quyết vụ án hình sự về tội có quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân, trước hết, cần làm rõ các tình tiết, hành vi phạm tội và trách nhiệm của cá nhân hoặc pháp nhân (nếu có), trường hợp pháp nhân ra quyết định hoặc chỉ đạo cá nhân thực hiện hành vi phạm tội thì phải xử lý hình sự đồng thời cả cá nhân và pháp nhân về tội phạm mà họ đã thực hiện.

Kết luận Chương 1

Đứng trước tình hình các tội phạm về môi trường, trong đó có tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ đang có nguy cơ bị xâm hại nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường, ổn định của đa dạng sinh học, đề tài được xây dựng với mong muốn có một cái nhìn rõ ràng hơn về tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Để từ đó các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý, những người trực tiếp thực thi nhiệm vụ đấu tranh đối với loại tội phạm này có được những biện pháp kịp thời, hiệu quả, đảm bảo giữ cho môi trường sinh thái của đất nước được ổn định, phát triển phong phú, đa dạng. Với mục tiêu đó, trong phạm vi chương 1 của luận văn, tác giả đưa ra một số vấn đề lý luận như dấu hiệu pháp lý, trách nhiệm hình sự của tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, tác giả phân tích về quá trình hình thành và phát triển của các quy định liên quan đến tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ để có cái nhìn rõ hơn trong một quá trình lịch sử; nêu được những khía cạnh cơ bản về mặt lý luận để làm tiền đề cho việc xây dựng các nội dung trong các chương tiếp theo.

Chương 2

THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC NGUY CẤP, QUÝ HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

2.1.1. Một số vấn đề lý luận về định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau xung quanh khái niệm định tội danh, tuy nhiên tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng định tội danh là “việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý hình sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự”¹. Định tội danh đúng là kết quả của quá trình hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng đúng và tạo tiền đề đảm bảo cho việc quyết định hình phạt đúng.

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự diễn ra phức tạp và đa dạng, được thể hiện ở ba giai đoạn: định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó, định tội danh là một giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật Hình sự. Bởi vì, định tội danh được tiến hành thực hiện ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Trong khi đó bước quyết định hình phạt chỉ được tiến

¹ Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về Định tội danh*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.04

hành thực hiện ở giai đoạn xét xử. Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong BLHS. Về phương pháp định tội danh: Chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, quy nạp, diễn dịch và quan trọng hơn cả là phương pháp loại trừ.

Khi tiến hành định tội danh, người định tội danh phải dựa vào cấu thành tội phạm cơ bản. Trường hợp điều luật về tội phạm cụ thể chứa đựng nhiều khung hình phạt thì sau khi định xong tội danh, các cơ quan THTT phải thực hiện bước tiếp theo là xác định hành vi phạm tội thỏa mãn khung hình phạt nào (khung cơ bản, khung tăng nặng hay khung giảm nhẹ), nghĩa là trong trường hợp này, cơ quan THTT đã xác định phạm vi trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Trên cơ sở đó, Tòa án sẽ lựa chọn biện pháp xử lý cụ thể đối với người phạm tội như tuyên bị cáo miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc lựa chọn một hình phạt cụ thể cho bị cáo. Tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, nên coi định khung hình phạt thuộc về quyết định hình phạt². Bởi vì, định khung hình phạt là việc làm được thực hiện sau khi định tội danh đã được thực hiện xong (Nghĩa là sau khi đã xác định được bị cáo phạm tội gì, theo điều luật nào của Bộ luật hình sự). Việc định tội danh phải dựa trên cơ sở cấu thành tội phạm cơ bản chứ không phải là các cấu thành tội phạm tăng nặng hay giảm nhẹ được nêu ở trên.

Từ các vấn đề nêu trên cho thấy việc định tội danh sẽ bao gồm 4 đặc điểm như sau:

a. Định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa lý luận và thực tiễn. Thể hiện dưới hai khía cạnh: xác định xem hành vi

² Võ Khánh Vinh (1993), Nguyên tắc công bằng trong Luật Hình sự Việt Nam, Luận án Phó tiến sĩ

nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của CTTP cụ thể trong BLHS và đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

b. Quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của luật nội dung là BLHS cũng như các quy phạm pháp luật của luật hình thức là Bộ luật TTHS.

c. Định tội danh là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Toà án) để cụ thể hoá các Quy phạm pháp luật Hình sự trừu tượng vào đời sống thực tế. Trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn nội dung của các Quy phạm pháp luật Hình sự.

d. Định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo 3 bước sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan. Đối với bước này, đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn. Phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS. Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án. Đánh giá mỗi tình tiết của vụ án, phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra. Bởi vì cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của CTTP về tội danh có hướng lựa chọn. Các dấu hiệu trong CTTP được quy định trong BLHS mang tính trừu tượng chỉ nêu một cách khái quát những nét đặc trưng mang tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế muôn hình muôn vẻ. Đòi hỏi phải có quá trình tư duy để nhận thức sâu rộng, đúng đắn về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP.

Bước 3: Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm pháp luật với các tình tiết của hành vi cụ thể được thực hiện trên thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã được thực hiện với cấu thành tội phạm đã được quy định. Kết luận đó phải được trình bày dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật.

Phân loại định tội danh

Căn cứ vào chủ thể thực hiện việc định tội danh, khoa học luật hình sự chia định tội danh thành 2 nhóm đó là: Định tội danh chính thức và định tội danh không chính thức:

- Định tội danh chính thức: là hoạt động xác định tội danh trong một vụ án cụ thể do cán bộ Nhà nước ủy quyền: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành. Về hậu quả pháp lý của định tội danh chính thức: những đánh giá, những kết luận của chủ thể của định tội danh chính thức là cơ sở pháp lý để khởi tố vụ án, để áp dụng các biện pháp ngăn chặn là cơ sở để ra bản kết luận điều tra, bản cáo trạng và ra bản án.

- Định tội danh không chính thức: là sự đánh giá không phải về mặt Nhà nước tính chất pháp lý hình sự của một hành vi phạm tội cụ thể. Định

tội danh không chính thức có các đặc điểm sau: về chủ thể của định tội danh không chính thức: Là ngoài nhóm chủ thể của định tội danh chính thức và thông thường chủ thể của định tội danh không chính thức là những người làm công tác nghiên cứu thể hiện trong các công trình nghiên cứu khoa học, giáo trình, sách giáo khoa, bài báo hoặc là luật gia, luật sư hay bất kỳ người nào quan tâm đến việc nghiên cứu một vụ án hình sự cụ thể đưa ra những bình luận về vụ án đó về phương diện định tội danh. Về hậu quả pháp lý của định tội danh không chính thức: định tội danh không chính thức không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên có liên quan trong vụ án mà chỉ là sự thể hiện ý kiến, quan điểm riêng của các chủ thể này như là sự thể hiện phương pháp nhận thức pháp luật hình sự.

Ý nghĩa của hoạt động định tội danh:

Định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự. Định tội danh đúng sẽ có ý nghĩa chính trị- xã hội, đạo đức và pháp luật lớn và ngược lại.

Hoạt động định tội danh của các chủ thể thường theo 2 xu hướng đó là: Định tội danh đúng hoặc định tội danh sai:

- Đối với hoạt động định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hoá trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật. Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm. Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp

hình sự.

- Đối với hoạt động định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận. Định tội danh sai sẽ dẫn tới giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, ảnh hưởng đến hiệu quả của đấu tranh phòng chống tội phạm. Những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ phiến diện, thiếu thận trọng, nôn nóng khởi tố, bắt giam, suy diễn chủ quan.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

2.1.2.1. Đặc trưng và các kết quả trong thực tiễn định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội

Thời gian gần đây, tình trạng khai thác, buôn bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng trái phép các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm bao gồm cả những mẫu vật của loài có nguồn gốc nước ngoài như sừng tê giác, ngà voi châu Phi, tê tê, hổ... diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Buôn bán và sử dụng trái phép ĐVHD đang là mối đe dọa nghiêm trọng đối với hệ ĐVHD ở Việt Nam. Áp lực lớn này đã dẫn đến sự suy giảm nghiêm trọng trữ lượng của nhiều loài động vật. Một số lượng lớn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Buôn bán trái phép ĐVHD làm giảm lợi ích kinh tế, xã hội và môi

trường, tạo doanh thu bất hợp pháp, gây bất ổn an ninh quốc gia và nguy cơ xuất hiện, lây lan các bệnh truyền nhiễm mới.

Tình trạng buôn bán, tiêu thụ ĐVHD tại Việt Nam, không chỉ hủy diệt quần thể loài động vật trong tự nhiên, phá hủy hệ sinh thái, làm tổn thương đến đa dạng sinh học, môi trường, mà còn làm cho Việt Nam mất đi một phần di sản văn hóa; các điểm du lịch sinh thái quan trọng, cũng như suy giảm các nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong khi đó, hiện nay việc áp dụng các quy định pháp luật còn nhiều khó khăn. Chẳng hạn như: Điều 190 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động thực vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ thì cấu thành hình thức, không phải xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả đều bị xem xét xử lý hình sự. Vẫn còn nhiều vướng mắc khi điều tra, truy tố, xét xử đối với tội phạm này vì chưa có quy định cụ thể về hậu quả.

Hà Nội là nơi tập trung nhiều môi hàng vận chuyển từ các tỉnh về để tiêu thụ. Nếu phát hiện hành vi vi phạm ở Hà Nội thì có thể mở rộng đầu mối để điều tra ra đường dây buôn bán, vận chuyển ở các tỉnh khác

Những kết quả đạt được

Số liệu thống kê của Cục Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho thấy: Từ năm 2011 đến 2015, lực lượng kiểm lâm trên cả nước đã phát hiện và xử lý vi phạm về quản lý ĐVHD là 3.823 vụ, tịch thu 58.869 cá thể ĐVHD, trong đó có 3.078 cá thể thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm

Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong thời gian từ ngày 1-1-2014 đến ngày 30-6-2015 lực

lượng Kiểm lâm toàn quốc đã phát hiện và xử lý 651 vụ vi phạm quản lý ĐVHD. Trong đó, có 98 vụ vi phạm vận chuyển trái phép đối với động vật thuộc nhóm quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng như: hổ, báo, tê tê, rùa nước ngọt. Trong 8 tháng đầu năm 2015, lực lượng Kiểm lâm đã xử lý 192 vụ vận chuyển ĐVHD trái phép, trong đó khởi tố hình sự 7 vụ.

Từ năm 2011 đến tháng 8-2015, Cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm về môi trường (C49) Bộ Công an đã phát hiện, xử lý 377 vụ với 376 cá nhân, 5 tổ chức; khởi tố 35 vụ với 44 bị can, xử phạt hành chính 193 vụ với 204 cá nhân, 1 tổ chức, phạt hơn 1,9 tỷ đồng. Nơi xảy ra nhiều nhất là các tỉnh, thành phố có cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng.

Theo báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2012 của Chi cục Kiểm lâm về kết quả xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng tính đến ngày 30/6/2012 thì số vụ vi phạm bị phát hiện là 72 vụ, giảm 9 vụ so với cùng kỳ năm 2011. Số ĐVHD thu giữ được là 348 cá thể, trọng lượng 503,2 kg. Theo đánh giá của phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thì sản phẩm từ ĐVHD, quý hiếm chủ yếu thẩm lậu từ một số nước lân cận vào Việt Nam, trong đó hổ và các sản phẩm từ hổ là mặt hàng được ưa chuộng nhất.

Năm 2011: Các cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội đã khởi tố 15 vụ với tổng số 21 bị can. Trong số đó, tội phạm liên quan đến tội phạm môi trường, trong đó có 5 vụ án với 7 bị can phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Năm 2012: Các cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội đã khởi tố 23 vụ với tổng số 27 bị can về các tội phạm môi trường trong đó có 7 vụ án với 9 bị can phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Năm 2013: Các cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội đã khởi tố 20 vụ với tổng số 24 bị can về tội phạm môi trường trong đó có 5 vụ án và 8 bị can về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Năm 2014: Các cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội đã khởi tố 26 vụ với tổng số 30 bị can về tội phạm môi trường trong đó có 4 vụ án với 5 bị can về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Năm 2015: Các cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội đã khởi tố 27 vụ với tổng số 29 bị can về tội phạm môi trường trong đó có 7 vụ án với 9 bị can về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Về tỷ lệ án tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ xét xử cấp phúc thẩm: Từ năm 2011 đến 2015, TAND cấp xét xử phúc thẩm tại thành phố Hà Nội (TAND thành phố Hà Nội và Tòa Phúc thẩm- TAND tối cao tại Hà Nội – nay là Tòa cấp cao 1) đã xét xử và sửa 1 vụ (chiếm tỉ lệ 3,8%) vụ án có liên quan đến tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ không có vụ án bị huỷ và sửa án nghiêm trọng.

Thực tiễn hoạt động định tội danh của các cơ quan tố tụng trong thời gian qua thấy rằng đối với tội trộm cắp tài sản thì tùy theo mức độ nguy hiểm cho xã hội (được mô tả trong CTTP), được các cơ quan tố tụng phân chia thành 3 loại cấu thành đó là: CTTP cơ bản (chiếm 83,57%), CTTP tăng nặng (chiếm 16,76%) và áp dụng hình phạt bổ sung (0%) cụ thể như sau:

a) Định tội danh theo CTTP cơ bản của tội vi phạm quy định về

bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ: đó là tổng hợp những dấu hiệu đặc trưng bắt buộc đối với tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 190 BLHS, các dấu hiệu đặc trưng đó phản ánh bản chất của loại tội phạm và cho phép phân biệt nó với loại tội phạm khác (*khoản 1 Điều 190 quy định: Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc vận chuyển,, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật đó, thì bị phạt tù từ năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*).

Qua khảo sát thực tế công tác hoạt động định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo khoản 1 Điều 190 BLHS của các cơ quan THTT tác giả thấy rằng:

Về đối tượng: đối tượng phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo khoản 1 điều 190 là người địa phương (chiếm khoản 81%), người của địa phương khác (chiếm 19%), phần lớn các bị cáo hầu hết có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi. Những đối tượng phạm tội này chủ yếu có trình độ văn hoá và địa vị xã hội thấp, thường không có nghề nghiệp hoặc có nhưng không ổn định dẫn đến không có thu nhập hoặc thu nhập thấp, trong khi rất cần tiền để phục vụ nhu cầu, cho các tệ nạn xã hội...

Về thời gian, địa điểm, phương pháp, thủ đoạn của tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: các đối tượng thường lợi dụng vào ban đêm. Hành vi chủ yếu là mua bán xác cá thể đã chết hoặc mua bán cá thể sống của những người săn bắn trong rừng hoặc nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam qua

các con đường tiểu ngạch.

b) Định tội danh đối với CTTP tăng nặng của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ:

Thực tiễn khi đánh giá CTTP của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ theo điều 190 BLHS tại thành phố Hà Nội thì thấy rằng CTTP của tội này thuộc trường hợp CTTP cơ bản và có CTTP tăng nặng trong cùng điều luật. Điều đó được thể hiện qua các nội dung quy định tại khoản 2 của Điều luật *“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

- a) Có tổ chức;*
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;*
- c) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm;*
- d) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;*
- đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”..*

Bên cạnh đó, điều luật còn quy định một hình phạt bổ sung tại khoản 3 Điều 190 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”*

Thực tế hoạt động định tội danh đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc loại CTTP này, tác giả thấy rằng các vụ án liên quan đến tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại địa bàn thành phố Hà Nội thường rơi vào dạng

CTTP này (chiếm 16,76 %) và khi nghiên cứu các vụ án đã được xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội thì chủ yếu các tình tiết tăng nặng của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thường rơi vào khoản 1 (chiếm 85,19%) của điều 190 BLHS.

Đối với các đối tượng phạm tội theo khoản 2 Điều 190 BLHS thì đã cấu thành đầy đủ các dấu hiệu của CTTP được quy định tại khoản 1 Điều 190 BLHS. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định tại các tình tiết cấu thành tăng nặng được quy định cụ thể trong điều luật thì cùng với từng hành vi phạm tội cụ thể, từng mức độ phạm tội và từng khách thể xâm phạm và hậu quả thiệt hại cụ thể mà định tội danh tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo từng khung hình phạt tương ứng được quy định trong Điều 190 BLHS.

- Định tội danh theo khoản 2 Điều 190 BLHS: quy định như sau: *Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm; Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm; Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.*

Thực tiễn khảo sát tại thành phố Hà Nội, định tội danh theo khoản 2 điều 190 BLHS có số đối tượng tương đối lớn, tập trung vào một số hành vi như phạm tội có tổ chức (chiếm khoản 66%), gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (chiếm khoản 32%). Về đối tượng và độ tuổi của khoản này cũng được mở rộng hơn so với khoản 1 (tập trung độ tuổi từ 22 đến 45). Căn cứ vào các quy định của nội dung quy định tại khoản 2, căn cứ các yếu tố cấu thành tội phạm thì rõ ràng phạm tội theo khoản 2 điều 190 có tính nguy hiểm cho xã hội và mức độ gây hậu quả (vật chất và phi vật chất) cũng lớn hơn so với quy định tại khoản 1 của điều luật.

Ví dụ 1: **Vụ thứ nhất:** Vào hồi 15h45 phút ngày 12/10/2012 tại khu vực ngã tư phố Quang Trung - Chu Văn An, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tổ công tác Y3 - 141 – Công an thành phố Hà Nội qua kiểm tra hành chính xe ô tô Toyota biển kiểm soát 29X – 4259 do Đặng Xuân Loan điều khiển, cùng ngồi trên xe có Lê Đình Thới (trú 57, phố Tây Sơn, Phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá) đã phát hiện ở khoang ghế phía sau xe có 01 bao tải dừa màu nâu, bên trong tải là 01 xác cá thể hổ đã được mổ còn da có trọng lượng 79kg. Khi tổ công tác đang kiểm tra, lợi dụng sơ hở, Đặng Xuân Loan đã bỏ trốn.

Ngày 13/10/2012 công án khám xét nơi ở của Lê Đình Thới nhưng không thu giữ gì. Ngày 29/10/2012 Đặng Xuân Loan ra đầu thú và khai nhận hành vi vi phạm của mình.

Quá trình điều tra đã xác định được nội dung vụ án như sau: Ngày 11/10/2012 Loan lái xe ô tô đưa 2 con của anh Trịnh Văn Hải (anh rể Loan) đi học sau đó Loan lái xe về quê ở Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hoá chơi, khi đến đoạn đường tránh gần Siêu thị BigC, Loan dừng xe đi vệ sinh thì gặp 1 người đàn ông khoảng 50 tuổi đi xe máy màu đỏ đến hỏi và thuê Loan chở xác động vật Hổ đến khu vực Bưu điện thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội với giá công vận chuyển là 15.000.000đ, Loan đồng ý, khoảng 30 phút sau có 01 người đàn ông đó chở một bao tải dừa màu nâu đến chỗ Loan để xe ô tô, Loan mở cửa xe cho người đàn ông đó bê bao tải lên để ở hàng ghế cuối xe và ghi cho Loan 1 mảnh giấy số điện thoại của người nhận tại Hà Nội. Người đàn ông đó đưa trước cho Loan 5.000.000đ và dặn khi nào đến Bưu điện Xuân Mai, huyện Chương Mỹ - Hà Nội thì điện thoại sẽ có người ra nhận hàng và trả nốt tiền công vận chuyển.

Đặng Xuân Loan điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29X – 4259 đến nhà anh Lê Đình Thới (Thới là anh rể Loan) ở số 57 phố Tây sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá và rủ anh Thới ra Hà Nội thăm con trai Thới tại Hà Nội. Anh Thới không biết Loan chở xác 1 cá thể Hổ. Khi Loan đi đến khu vực ngã tư Quang Trung – Chu Văn An, quận Hà Đông thì bị tổ công tác 141 Công an thành phố Hà Nội kiểm tra phát hiện ở gầm ghế thứ 3 của xe ô tô có 01 bao tải dứa màu nâu bên trong đựng xác động vật đã chết gồm đầu, xương, da. Lợi dụng khi Công an đang tiến hành kiểm tra, Loan đã bỏ trốn và làm rơi mất số điện thoại người nhận.

Theo bản thông báo kết quả giám định số 717 ngày 18/10/2012 của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật kết luận: Xác động vật thu giữ trên xe ô tô biển kiểm soát 29X – 4259 do Đặng Xuân Loan điều khiển là 01 cá thể Hổ có tên khoa học Panthera Ligris thuộc nhóm IB (nhóm nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại) theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ.

Đối với Trịnh Thanh Hải không biết việc Đặng Xuân Loan sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 29X – 4259 của mình vận chuyển cá thể Hổ từ Thanh Hoá ra Hà Nội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý và đã trao trả xe ô tô cùng các giấy tờ liên quan cho anh Hải.

Đối với Lê Đình Thới là người ngồi trên xe ô tô do Loan điều khiển chở 01 cá thể Hổ từ Thanh Hoá ra Hà Nội. Cơ quan điều tra xác định Thới không đồng phạm với Đặng Xuân Loan nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Thới.

Đối với 02 người đàn ông thuê Loan vận chuyển 01 cá thể Hổ từ Thanh Hoá ra Hà Nội. Do không xác định được họ tên địa chỉ và ngoài lời khai của Loan ra không có tài liệu nào khác nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Ngày 15/11/2012, gia đình Đặng Xuân Loan đã nộp tại cơ quan điều tra 5.000.000đ là số tiền công mà Loan khai nhận của 02 người đàn ông thuê Loan vận chuyên 01 cá thể Hổ từ Thanh Hoá ra Hà Nội để khắc phục hậu quả.

Ngày 20/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra bản án số 96/2013/HSST, tuyên bố: Bị cáo Đặng Xuân Loan phạm tội Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ quy định tại Điều 190 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Áp dụng khoản 1 Điều 190 điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Xuân Loan 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 25 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 điều 76 Bộ Luật hình sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên tịch thu 01 xác cá thể hổ đã thu giữ, tiếp tục bàn giao cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam quản lý, bảo quản theo quy định của pháp luật (theo biên bản giao nhận ngày 12/10/2012 giữa bà Ông Nguyễn Thanh Toàn và ông Trần Hoàng Giang phòng PC46 công an Hà Nội với ông Phạm Văn Sáng – Phó phòng chế tác, Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam BL31).

Tịch thu sung công số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) (theo phiếu nhập vật chứng ngày 15.11.2012 giữa ông Kiều Hùng Đoàn – PC46 công an Hà Nội và bà Phạm Thị Vân – cán bộ đội môi trường BL39)

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phạt phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vụ thứ hai:Hồi 15 giờ ngày 15/9/2010 tại đường 301 thuộc địa phận xã Tiên Phong huyện Mê Linh, Công an thành phố Hà Nội đã bắt quả tang Nguyễn Văn Sỹ đang chuyển một bao tải chứa một bộ xương động vật (ngghi là xương HỔ) cho Trần Văn Như; thu giữ của Sỹ 01 bao tải chứa 01 bộ xương động vật (bao gồm: xương đầu, xương sồng, xương vai, xương sườn, xương tứ chi và nhiều đốt xương, qua giám định của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật là xương của một con HỔ, có trọng lượng 18 kg, loài HỔ có tên khoa học là Panthera Tigris, thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ).

Khoảng 16 giờ cùng ngày, tại cửa siêu thị BigC trên đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, công an thành phố Hà Nội phát hiện và bắt giữ Phan Lạc Hà (đi xe ô tô Huyndai CLICK BKS 30Z – 2850 đăng ký mang tên Đặng Thị Lành) vận chuyển 02 bao tải chứa xương động vật, trong đó một bao tải chứa 01 bộ xương động vật (bao gồm: xương đầu, xương sồng, xương vai, xương sườn, xương tứ chi và nhiều đốt xương; qua giám định là xương của một con Báo Hoa Mai, có trọng lượng 10kg, tên khoa học là Panthera Pardus, thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ); 01 bao tải xương động vật (qua giám định là xương của loài Sơn Dương, có trọng lượng 11 kg, tên khoa học là Naemorhedus Sumatraensis, thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ).

Khoảng 19h 30 cùng ngày 15/9/2010 tại phố Vọng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, công an Hà Nội tiếp tục bắt giữ Nguyễn Xuân Hùng (đi xe mô tô Honda Future BKS 29V6-2189 đăng ký mang tên Nguyễn Thế Giới) vận chuyển 01 bao tải chứa 01 bộ xương động vật

(bao gồm: xương đầu, xương sống, xương vai, xương sườn, xương tứ chi và nhiều đốt xương; qua giám định là xương của một con Hổ, có trọng lượng 08kg), 02 xương đầu động vật còn nguyên (qua giám định là xương đầu loài Hổ), 2 chiếc ngà động vật (qua giám định là ngà loài Voi châu phi, tên khoa học là *Loxodonta Africana*, thuộc phụ lục của I trong danh mục các loài động vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước cấm buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, ban hành kèm theo Quyết định 74/2008/QĐ-BNN ngày 20/06/2008 của Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn).

Thi hành lệnh bắt và khám xét khẩn cấp nơi ở và nhà (kho) tại số 127/128C/27, phố Đại La, quận Hai Bà Trưng đối với Nguyễn Thuỳ Dung và Nguyễn Thế Giới, công an thành phố Hà Nội đã thu giữ nhiều tang vật là xương các sản phẩm từ động vật và 13.000.000đồng, qua giám định cho kết luận: 06 Bộ xương động vật (bao gồm: xương đầu, xương sống, xương vai, xương sườn, xương tứ chi và nhiều đốt xương) là của 06 con Hổ; 61 Bánh chè động vật là xương bánh chè của loài Hổ; 30kg xương động vật (không xếp đủ thành bộ xương) là xương loại Hổ; 06 xương đầu động vật là xương đầu loại Hổ; 03 xương đầu động vật là xương đầu loài Báo Hoa Mai; 02 xương đầu động vật là xương đầu loại Gấu Chó có tên khoa học là *Urus Malayanus*, loài gấu chó thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 02 đôi sừng động vật là sừng loài Bò Tót có tên khoa học *Bos gaurus*; loài bò tót thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 44 kg xương động vật là xương loài Sơn Dương; 34 kg xương động vật vụn là xương động vật thuộc họ Mèo *Felidae*; các loài động vật thuộc họ Mèo thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 01 tiêu bản mẫu nhồi động vật là đầu loài Gấu Ngựa có tên khoa học *Ursus*

Thibetanus; loài Gấu Ngựa thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 51 kg xương động vật là xương các loài khỉ có tên khoa học Macacasp; các loại khỉ giống Macaca sp thuộc nhóm IB Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 15 kg mai động vật là mai của các loài Rùa, không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 231 kg xương động vật là xương loài Nai, có tên khoa học Rusaunicolor không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 323 kg xương động vật là xương loài Dê nuôi, không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 07 kg xương động vật là xương loài Ngựa, không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 09 kg gân động vật là gân loài Dê, không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 06 kg xương đầu động vật là xương đầu loài Dê nuôi nhập khẩu không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 33 túi mật loại nhỏ và 590 túi mật loại to là túi mật loài Lợn nhà có tên khoa học Sus scrofa domesticus; loài lợn nhà không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; 75 bánh chè động vật gồm 23 bánh chè của nhiều loài động vật khác nhau như gấu, báo và 52 bánh chè được làm từ xương động vật không phải bánh chè loài Hổ; 352 miếng cao động vật là cao của loài Ngựa nhà và cao của loài Dê nuôi, không có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 09 giờ ngày 15/9/2010, Trần Văn Như gọi điện cho Nguyễn Thế Giới hẹn đến nhà để mua 01 bộ xương Hổ về nấu cao. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Như đến nhà hỏi Giới và Dung là “Anh chị cho em xem hàng (xương hổ)?” Giới bảo Nguyễn Văn Sỹ chở Như sang số nhà 127 ngách 128C/27 phố Đại La, quận Hai Bà Trưng nơi

Dung và Giới chứa hàng (các loài xương động vật) để Như xem hàng. Khoảng 15 phút sau, Sỹ chở Như về mang theo 01 bộ xương Hổ có trọng lượng là 14,8 kg. Dung và Như thống nhất (chỗ quen biết) tính tròn là 15 kg với giá 13.600.000 đồng/ kg, thành tiền là 200.000.000 đồng. Như hẹn sẽ thanh toán tiền sau và còn xin thêm một ít xương Hổ vụn cho vào bao tải. Sợ bị phát hiện, Trần Văn Như đề nghị Nguyễn Thuỳ Dung cho người chở xương Hổ đến khu vực Mê Linh hoặc Phúc Yên giao hàng cho Như. Nguyễn Thuỳ Dung bảo Nguyễn Văn Sỹ lấy xe mô tô chở bao tải chứa bộ xương Hổ sang đến đường 301 đi Phúc Yên thuộc địa phận xã Tiên Phong, huyện Mê Linh giao cho Như thì bị bắt giữ.

Do biết vợ chồng Nguyễn Thuỳ Dung, Nguyễn Thế Giới bán các loài xương Hổ, Báo... nên khoảng 15 giờ 15/9/2010, Phan Lạc Hà đến nhà gặp Giới để mua xương Hổ và xương Sơn Dương về nấu cao. Giới nói với Hà là trực tiếp làm việc với Dung. Sau đó, Hà xem và đồng ý mua của Dung 10 kg xương Hổ, giá 13.500.000 đồng/ kg và 11kg xương Sơn Dương giá 5.000.000 đồng, tổng cộng là 140.000.000 đồng. Hà trả cho Dung 10.000.000 đồng còn 130.000.000 đồng Hà hẹn trả sau. Sau đó, Hà và Giới mỗi người bê một bao tải ra xe ô tô để Hà chở về, trên đường về thì Hà bị bắt giữ.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 15/9/2010, Giới nói với Dung là hàng để bữa bãi thế này, cất gọn đi nên Dung bảo Hùng lấy xe mô tô 29V6-2189 chở 01 đôi Ngà Voi, 01 bộ xương Hổ, 02 xương đầu Hổ và một ít xương Hổ vụn sang nhà số 127 ngách 128C/27 phố Đại La để cất, Hùng đi đến phố Vọng thì bị bắt giữ.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thuỳ Dung, Nguyễn Thế Giới, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Xuân Hùng và Trần Văn Như, Phan Lạc Hà khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngày 10/12/2010, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định xử lý vật chứng, tiêu huỷ 623 túi mật lợn và trả lại một số tài sản, giấy tờ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngày 19/12/2011, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xét xử và ra bản án số 79/2012/HSST, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thuỳ Dung, Nguyễn Thế Giới, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Xuân Hùng, Trần Văn Như và Phan Lạc Hà phạm “ Tội Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 190; khoản 3 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS, xử phạt Nguyễn Thuỳ Dung 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ 04 tháng 14 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam. Phạt bổ sung Nguyễn Thuỳ Dung 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn Sỹ 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ được trừ 04 tháng 14 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 BLHS, xử phạt Nguyễn Thế Giới 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 11 tháng tính từ ngày 19/12/2011.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 BLHS, xử phạt Nguyễn Xuân Hùng 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 03 tháng tính từ ngày 19/12/2011.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 60 BLHS, xử phạt Trần Văn Như 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ 03 tháng đã bị tạm giữ, tạm giam.

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 190; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; ; Điều 20; Điều 53 BLHS, xử phạt Phan Lạc Hà 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày 19/12/2011.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn Như phải nộp 200.000.000 đồng; bị cáo Phan Lạc Hà phải nộp 130.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 13.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thuỳ Dung; tạm giữ số tiền 200.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn Như để đảm bảo cho việc thi hành án; trả lại bị cáo Nguyễn Văn Sỹ 930.000 đồng. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô Honda Future mang biển kiểm soát 29V6- 2189. Tịch thu, tiêu huỷ 352 miếng cao Ngựa và Dê nuôi; 09 kg gân Dê. Tịch thu, giao Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam các bộ phận của các loài động vật thu được trong vụ án.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Như vậy có thể thấy các vụ án được Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đưa ra xét xử và tuyên án đều căn cứ vào các quy định của pháp luật về tình tiết định tội, định khung hình phạt, cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để từ đó đưa ra mức hình phạt cho bị cáo phù hợp với hành vi phạm tội và các tình tiết của vụ án. Bản án đã

tuyên đảm bảo tính nghiêm minh, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

Như vậy trong vụ án trên, các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định tội danh của bị cáo theo Điểm đ khoản 2 Điều 190: Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng để định tội danh đối với các bị cáo. Điều này là đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của bị cáo cũng như phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Từ những phân tích về các vụ xử lý về hình sự đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ cho thấy tình hình xử lý đối với loại tội phạm này chưa thực sự nghiêm khắc, chưa có tính răn đe, giáo dục cao. Từ đó dẫn đến tình trạng ngày càng gia tăng số đối tượng buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã, quý hiếm.

Việc xử lý hình sự đối với các hành vi trên gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

Tình trạng buôn bán, tiêu thụ ĐVHD, quý hiếm ở nước ta và ở Hà Nội nói riêng thời gian qua vẫn tiếp tục gia tăng, do dân số tăng kéo theo áp lực về khai thác, tiêu dùng ĐVHD, quý hiếm là thực phẩm và làm thuốc, nhất là một số loài ĐVHD, quý hiếm được quảng bá về những tính năng đặc biệt như bồi bổ sức khỏe, chữa bệnh nan y, tăng cường sức khoẻ phái mạnh... Đáng chú ý, việc xử lý vi phạm pháp luật về buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD, quý hiếm trái phép còn chưa nghiêm, chủ yếu là xử phạt hành chính, mức phạt còn nhẹ.

Các cơ quan pháp luật như: Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Quản lý thị trường... lực lượng còn mỏng, trang thiết bị, phương tiện còn hạn chế; khả năng đấu tranh đối với loại hình vi phạm tội này của lực lượng chuyên trách còn chưa theo kịp các thủ đoạn tinh vi, chuyên nghiệp của các đối tượng vận chuyển, buôn bán trái phép các ĐVHD thuộc danh mục nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật vẫn còn một số vướng mắc như: Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 08/3/2007 quy định Động vật hoang dã, quý hiếm là những động vật thuộc nhóm IB theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ. Theo Nghị định 32 thì tê tê Java không thuộc nhóm IB. Tuy nhiên, theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ thì Tê tê Java được xếp vào loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (phù hợp với tên gọi và nội dung của Điều 190 BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hiện nay các cơ quan tư pháp thành phố đang căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 635 ngày 06/3/2015 của Bộ Công an và Công văn số 3762/VKSTC-V3 ngày 23/9/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xử lý hình sự đối với các hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép tê tê Java nói riêng và các động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Điều 190 BLHS bất kể số lượng, khối lượng, giá trị tang vật.

2.2. Quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội

2.2.1. Một số vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

2.2.1.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt

Khái niệm quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là một công việc quan trọng trong hoạt động xét xử vụ án hình sự của Tòa án. Ở nước ta, cho tới nay vẫn chưa có một văn bản pháp luật hình sự nào xác định khái niệm quyết định hình phạt. Trong khoa học luật hình sự đã có khá nhiều tác giả đưa ra khái niệm quyết định hình phạt. Đa số các tác giả cho rằng: "*Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng cho người phạm tội*"³.

Khi bàn về khái niệm quyết định hình phạt, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, nên coi miễn hình phạt thuộc về giai đoạn quyết định hình phạt. Điều 54 Bộ luật Hình sự quy định như sau: "*Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật này, đang được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự*"⁴. Như vậy, về nội dung pháp lý thì miễn hình phạt là không buộc người phạm tội phải chịu hình phạt về tội mà người đó đã phạm. Miễn hình phạt thuộc về giai đoạn quyết định hình phạt, bởi vì miễn hình phạt được thực hiện sau khi Tòa án đã xác định xong tội danh và là bước đầu của quá trình xác định hình phạt. Đối với miễn trách nhiệm hình sự, cũng nên coi thuộc về giai đoạn quyết

³ Nguyễn Ngọc Hòa (1993), "Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam", *Tạp chí TAND* - số 1

⁴ Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội

định hình phạt bởi những lý do sau: Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc người phạm tội phải chịu Trách nhiệm hình sự về tội họ đã thực hiện. Miễn trách nhiệm hình sự được thực hiện sau khi Toà án đã xác định xong tội danh cho bị cáo cho nên không thể thuộc về giai đoạn định tội danh.

Từ sự phân tích ở trên, có thể rút ra các đặc điểm của hoạt động quyết định hình phạt như sau:

- Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Toà án (Hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã xác định xong tội danh;

- Quyết định hình phạt do Toà án thực hiện trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự;

- Nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn trách nhiệm hình sự hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Toà án quyết định áp dụng hình phạt thì quyết định hình phạt bao gồm xác định khung hình phạt (có thể) và hình phạt cụ thể cho bị cáo;

- Quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân người có hành vi phạm tội.

Từ những cơ sở phân tích trên, Tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án⁵ (Hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động quyết định hình phạt có thể là miễn trách nhiệm hình sự hoặc có thể là miễn hình phạt (trường hợp này, hoạt động quyết định hình phạt chấm dứt ở đây) hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì hoạt động quyết định hình phạt bao gồm việc xác định khung hình phạt cụ thể trong phạm vi pháp luật cho phép đối

⁵ Dương Tuyết Miên, Sách đã dẫn tr. 74-75

với bị cáo.

Các nguyên tắc quyết định hình phạt.

Là một hoạt động quan trọng trong áp dụng pháp luật hình sự, việc quyết định hình phạt không chỉ tuân thủ các nguyên tắc của Luật hình sự nói chung mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù cho việc quyết định hình phạt, các nguyên tắc quyết định hình phạt.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc quyết định hình phạt không được ghi nhận chính thức trong Bộ luật hình sự mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự. Các nguyên tắc quyết định hình phạt là một nội dung quan trọng của chính sách hình sự của Nhà nước ta và có ý nghĩa rất lớn trong việc quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Nhận thức đúng các nguyên tắc quyết định hình phạt sẽ tạo tiền đề để quyết định hình phạt được đúng. Sự khác nhau giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt với các nguyên tắc của Luật hình sự chủ yếu là ở mức độ cụ thể hóa và tính đặc trưng. Cụ thể là các nguyên tắc quyết định hình phạt có tính cụ thể hoá cao hơn (chỉ định hướng cho việc quyết định hình phạt) và chỉ đặc trưng cho một chế định của Luật hình sự - chế định quyết định hình phạt, ví dụ *“Việc làm sáng tỏ và cân nhắc các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội giúp ta hiểu được quá khứ, hiện tại và khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội, xác định được các nguyên nhân điều kiện của việc thực hiện tội phạm, xác định được mức độ lỗi của bị cáo. Tất cả những tình tiết đó có ý nghĩa rất lớn đối với việc cá thể hóa hình phạt”*⁶. Còn các nguyên tắc của Luật hình sự định hướng chung cho việc xây dựng và áp dụng Luật hình sự và đặc trưng cho mọi chế định của Luật hình sự.

⁶ Võ Khánh Vinh (1990), “Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* số 08

Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy có những đặc điểm riêng đặc trưng cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự. Các nguyên tắc này vừa có tính độc lập tương đối vừa có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau, đan xen nhau định hướng cho Tòa án quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội.

Mặt khác, cũng cần phân biệt các nguyên tắc quyết định hình phạt với các căn cứ quyết định hình phạt. Các căn cứ quyết định hình phạt là những cơ sở pháp lý mà Tòa án phải dựa vào đó để quyết định hình phạt được đúng đắn. Giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt có mối liên hệ mật thiết với nhau. *"Các nguyên tắc quyết định hình phạt tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ quyết định hình phạt. Những căn cứ quyết định hình phạt là những biểu hiện, đòi hỏi cụ thể của các nguyên tắc quyết định hình phạt"*⁷.

Ở nước ta, hiện nay trong khoa học Luật hình sự có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định các nguyên tắc quyết định hình phạt. Tuy nhiên, tôi tán thành với đa số các tác giả cho rằng các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm bốn nguyên tắc sau: Nguyên tắc pháp chế Xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt, Nguyên tắc nhân đạo Xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt; Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong quyết định hình phạt và Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt.

Khi xem xét các nội dung cụ thể của bốn nguyên tắc của Quyết định hình phạt, có thể nhận định rằng các nguyên tắc quyết định hình phạt là các nguyên tắc đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt, định hướng cho hoạt động của Tòa án để quyết định hình phạt đúng đắn đối với người

⁷ Đào Trí Úc (chủ biên) (1996), "Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam", *Tội phạm học, Luật Hình sự; Luật TTHS*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt nhưng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự.

2.2.1.3. Các căn cứ quyết định hình phạt

Theo quan điểm của GS. TS Võ Khánh Vinh cho rằng, "*các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm*"⁸.

Qua nghiên cứu, tác giả thống nhất với quan điểm này vì các căn cứ của quyết định hình phạt ngoài việc phải được quy định trong pháp luật hình sự thì còn có thể do giải thích luật mà có buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt vì như vậy sẽ đảm bảo việc áp dụng hình phạt cho bị cáo không những đáp ứng được sự chặt chẽ, chính xác trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự, việc tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt của Tòa án có tính bắt buộc mà còn có thể áp dụng thống nhất trong đường lối xử lý một số loại án nhất định của Tòa án. Do vậy, tôi cho rằng các căn cứ quyết định suy cho cùng nhằm để đảm bảo hình phạt là những cơ sở pháp lý căn cứ được qui định trong bộ luật hình sự cụ thể như sau:

Căn cứ thứ nhất - Các quy định của Bộ luật hình sự:

Khi quyết định hình phạt, trước hết Tòa án phải dựa vào các quy định của Bộ luật hình sự. Nếu không coi các quy định của Bộ luật hình sự là một căn cứ quyết định hình phạt; từ đó, không quy định căn cứ này trong Bộ luật hình sự thì có thể dẫn đến tình trạng Tòa án quyết định hình phạt tùy tiện, đồng thời bị cáo có thể phải chịu một hình phạt không tương xứng

⁸ Võ Khánh Vinh (1996), "Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam", *Tội phạm học, Luật Hình sự; Luật TTHS*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội tr.127

với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và như vậy, công bằng xã hội không thể đạt được. Việc quy định căn cứ các quy định của Bộ luật hình sự là cần thiết bởi nó sẽ tạo cơ sở pháp lý giúp cho việc quyết định hình phạt được chính xác và thống nhất trong phạm vi cả nước. Điều này lại càng trở nên có ý nghĩa khi việc lạm dụng quy định của luật trong xét xử của một số Tòa án ở nước ta vẫn đang còn phổ biến.

Theo Điều 45 Bộ luật hình sự 1999, căn cứ các quy định của Bộ luật hình sự được quy định là căn cứ quyết định hình phạt đầu tiên. Điều này cho thấy, các nhà làm luật nước ta đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của căn cứ các quy định của Bộ luật hình sự trong quyết định hình phạt, từ đó ghi nhận căn cứ đó trong luật.

Căn cứ thứ hai - Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Trong thực tế hoạt động quyết định hình phạt ở từng trường hợp cụ thể, từng hành vi phạm tội rất khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm; nhân thân người phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng khác nhau thì mức độ của việc quyết định hình phạt cũng khác nhau. Do vậy, khi quyết định hình phạt trong từng trường hợp, Tòa án phải cân nhắc căn cứ tiếp theo là “tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội”. Quyết định hình phạt là việc lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức hình phạt cụ thể trong khung hình phạt cho phép. Theo GS. TS Võ Khánh Vinh thì cho rằng khi quyết định hình phạt, Tòa án vẫn phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. *“Bởi vì, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được nhà làm luật cân nhắc và thể hiện khi quy định tội phạm, quy định chế tài và khung chế tài đối với tội phạm. Do vậy tất yếu trong quá trình xây dựng luật cũng quy định là khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc cả*

tính chất lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện”⁹.

Tác giả đồng ý với quan điểm này vì căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của việc quyết định hình phạt thực chất chỉ là mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Bởi vì khi xây dựng loại và mức hình phạt cho từng tội trong mỗi Chương và các khung hình phạt cho tội phạm đó cũng như khi xây dựng hình phạt cho các nhóm tội ở các chương khác nhau, nhà làm luật đã chủ yếu dựa vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đó trong đó có xét đến mối tương quan về tính nguy hiểm của tội đó so với các loại tội phạm khác. Còn mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm chỉ phản ánh các trường hợp phạm tội khác nhau trong cùng khung hình phạt của loại tội cụ thể. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án chỉ cần căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà không cần thiết phải dựa vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Hình phạt được tuyên phải là kết quả của việc cân nhắc cả tính chất nguy hiểm cho xã hội.

Căn cứ thứ ba - Nhân thân người phạm tội

Để đảm bảo hình phạt đã tuyên phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội thì Tòa án phải dựa vào căn cứ tiếp theo là nhân thân người phạm tội. Bởi vì nhân thân người phạm tội không chỉ phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của họ. Hình phạt tuyên cho bị cáo không những phải tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện trên thực tế mà còn phải phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của bị cáo cũng và cũng phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của họ.

⁹ Võ Khánh Vinh (1996), “Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam”, *Tội phạm học, Luật Hình sự; Luật TTHS*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.244

Cũng giống căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội là căn cứ có tính chất “định lượng” để Tòa án khi quyết định hình phạt có thể dựa vào đó mà cụ thể hóa được loại, mức hình phạt cụ thể trong khung hình phạt cho phép. Tuy nhiên không phải mọi tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội đều được xem xét khi quyết định hình phạt. Chỉ những tình tiết có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội cũng như liên quan đến khả năng đạt được mục đích hình phạt mới được xem xét để quyết định hình phạt. Đó là những tình tiết sau đây:

- Nhóm những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như phạm tội lần đầu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp...

- Nhóm những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội, ví dụ: có thái độ ăn năn hối cải, tự thú, lập công chuộc tội...

- Nhóm những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ. Đây là những người thuộc đối tượng của các chính sách lớn của Nhà nước như chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo hoặc là người có hoàn cảnh đặc biệt như người phạm tội là người già, phụ nữ có thai.

Căn cứ thứ tư - Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong các tình tiết để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hơn nữa, nhiều tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng Trách nhiệm hình sự lại thuộc về nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, Luật hình sự Việt Nam vẫn coi các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự là căn cứ quyết

định hình phạt độc lập bên cạnh các căn cứ khác nhằm mục đích buộc Tòa án phải cân nhắc các tình tiết này (nếu có) trong mối liên hệ với toàn bộ vụ án để giúp cho việc vận dụng đúng căn cứ thứ hai và thứ ba, từ đó quyết định hình phạt cho người phạm tội được chính xác, hạn chế tình trạng tùy tiện trong áp dụng luật.

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội

2.2.2.1. Kết quả thực hiện quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Trong quan hệ pháp luật hình sự, nghĩa vụ và trách nhiệm hình sự (TNHS) của người phạm tội không mặc nhiên phát sinh nếu không có hoạt động xét xử của cơ quan Tòa án được tiến hành trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt những quy trình, thủ tục tố tụng do BLTTHS quy định để chứng minh người đó phạm tội và áp dụng các biện pháp chế tài của luật hình sự đối với họ. Do đó, quyết định hình phạt luôn là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tiến hành trên cơ sở căn cứ vào các quy định của BLHS để quyết định hình phạt đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Qua thực tiễn hoạt động quyết định hình phạt tại thành phố Hà Nội tác giả thấy rằng, trong tổng số các vụ án về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đã xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 05 năm từ 2011 đến 2015 (với 28 vụ và 38 bị can) đã được khởi tố và xét xử thì hầu hết các vụ án liên quan đến “tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” đều được các cơ quan có

thẩm quyền xác định đúng tội danh và quyết định hình phạt phù hợp.

Khảo sát tại cơ quan Tòa án các cấp tại thành phố Hà Nội đối với hoạt động quyết định hình phạt tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì ngoài việc dựa vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thì còn phải đồng thời thể hiện nguyên tắc cá thể hoá TNHS.

Thực tiễn quyết định hình phạt tại Hà Nội thấy rằng tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có một cấu thành cơ bản (khoản 1) khi phạm tội trong trường hợp thông thường và 1 cấu thành tăng nặng (khoản 2) khi phạm tội trong trường hợp có những tình tiết thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn trường hợp phạm tội thông thường.

Khoản 1 Điều 190 quy định: *“Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”*

Từ quy định trên, thấy rằng lượng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 190 là tù: *“phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Như vậy nghĩa là mức cao nhất của khung hình phạt là ba năm tù. Từ những phân tích trên thì tội vi phạm quy định về quản lý động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định tại khoản 1 Điều 190 là loại tội phạm ít nghiêm trọng (theo Điều 8 BLHS 1999).

Qua khảo sát từ thực tiễn của thành phố Hà Nội, thấy rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng khá đầy đủ các quy định của Bộ luật, các

văn bản hướng dẫn cụ thể để làm căn cứ quyết định hình phạt một cách hiệu quả. Trên cơ sở xem xét, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm và hành vi phạm tội cụ thể mà quyết định khung hình phạt tương ứng. Đối với khoản 1 Điều 190, tại thành phố Hà Nội cung độ hình phạt của khoản này tập trung nhiều nhất trong khoản từ 12 đến 18 tháng tù giam, một số vụ án thì thời hạn chấp hành hình phạt bằng với thời gian tạm giam tuy nhiên cũng có một vài trường hợp lượng hình phạt từ 24 tháng tù trở lên vẫn có nhưng chiếm tỷ lệ rất ít. Do tỉ lệ số vụ án đã khởi tố về khoản 1 Điều 190 là chủ yếu (66%) nên số quyết định hình phạt liên quan đến tội danh này ở khoảng từ 6 tháng đến 3 năm là nhiều nhất.

2.2.2.2. Một số vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội

Việc quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội còn có khó khăn trong việc định khung hình phạt. Hiện tại chưa xác định được bao nhiêu cá thể tê tê, giá trị tê tê là bao nhiêu thì có thể xét xử theo khoản 2 Điều 190 BLHS. Theo Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT thì căn cứ số lượng các cá thể ở nhóm IB và giá trị các sản phẩm của động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm để định khung hình phạt theo điểm đ khoản 2 Điều 190 BLHS (gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng). Do tê tê Java không thuộc nhóm IB nên không thể áp dụng quy định của Thông tư này để xác định số lượng định khung hình phạt.

Việc áp dụng pháp luật trong xử lý vi phạm về bảo vệ ĐVHD của các cơ quan chức năng ở các địa phương, các ngành còn khác nhau, nên các vụ việc vi phạm phần lớn đều được xử lý hành chính đã gây nhiều khó khăn cho công tác bảo vệ ĐVHD.

Về giá trị tài sản: ĐVHD là hàng cấm lưu thông nên không có quy định về định giá, không xác định được giá trị tài sản. Trong khi đó việc định giá tài sản là một trong những căn cứ để định tội và định khung hình phạt. Vì vậy không có cơ sở để xử lý đối với nhiều vụ buôn bán, vận chuyển ĐVHD bị phát hiện.

BLHS năm 2015 đã khắc phục được một số hạn chế của các văn bản pháp luật trước đây, nhưng hiện nay BLHS 2015 vẫn chưa có hiệu lực thi hành nên việc xử lý các vụ án về ĐVHD vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, do thiếu biện pháp quản lý, kiểm soát hiệu quả đối với hoạt động gây giống, nuôi nhốt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Mặc dù đã có những quy định của pháp luật về vấn đề này như quy định việc kiểm soát nguồn gốc con giống, nguồn gốc cá thể gây giống nuôi thương mại... nhưng trên thực tế việc kiểm soát cá thể gây giống để nuôi còn theo hồ sơ, giấy phép, không quy định về việc đánh dấu cá thể gây giống để nuôi.

Những tồn tại, hạn chế trên là do một số nguyên nhân sau:

Việc triển khai và thực hiện các chính sách của các cơ quan quản lý trên thực tế còn chậm và kém hiệu quả. Các mục tiêu đề ra nhưng trên thực tế rất khó đạt được. Các chính sách được ban hành với số lượng khá nhiều nhưng lại thiếu liên kết với nhau, đôi khi còn chồng chéo nên gây khó khăn cho việc thực thi.

Công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ chưa được quan tâm đúng mức. Hình thức và nội dung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân nhiều khi còn đơn giản, tẻ nhạt, không gây ấn tượng đối với dân chúng.

Đội ngũ cán bộ làm công tác phát hiện, xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; nhiều cán bộ còn phải kiêm nhiệm các công việc khác nên tính chuyên môn hóa chưa cao. Trình độ năng lực của một số cán bộ còn yếu, chưa đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ để xử lý kịp thời những vấn đề thực tiễn cấp bách tại nơi phát hiện vi phạm hoặc tại địa bàn thường xuyên xảy ra vi phạm.

Kết luận Chương 2

Định tội danh và quyết định hình phạt là hai hoạt động thực tiễn của Tòa án, có ý nghĩa quan trọng thể hiện quan điểm của Nhà nước khi lên án đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội, đồng thời có biện pháp trừng trị nghiêm khắc tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi và các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội.

Chương 2 của luận văn đã phân tích các nội dung lý luận của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt, bao gồm: phân tích khái niệm định tội danh, các quá trình và các giai đoạn định tội danh; khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt, các nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt. Sau khi phân tích các nội dung lý luận của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt, Chương 2 của luận văn đi vào tìm hiểu việc vận dụng các nội dung lý luận này vào thực tiễn áp dụng pháp luật thông qua hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội. Từ thực tiễn vận dụng các nội dung lý luận của hai hoạt động này khi xử lý tội phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên

bảo vệ trên địa bàn Hà Nội, luận văn đi tới đối chiếu việc thực hiện hai hoạt động này trong thực tiễn với các quy định của pháp luật về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội, cũng như các quy định về định tội danh và quyết định hình phạt để tìm ra những vấn đề vướng mắc khi áp dụng các quy phạm pháp luật vào xử lý loại tội phạm này trong thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu của Chương 2 của luận văn không chỉ có ý nghĩa giúp nắm bắt được tình hình thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt tội phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015 cũng như các đặc trưng của tình hình loại tội phạm này trên địa bàn, mà còn có ý nghĩa làm tiền đề cho việc nghiên cứu và đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại khi vận dụng các quy định của pháp luật để xử lý loại tội phạm này trong thực tiễn.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ ,PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Buôn bán và sử dụng trái phép ĐVHD đang là mối đe dọa nghiêm trọng đối với hệ ĐVHD ở Việt Nam. Tình hình tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đang diễn ra hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng, tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng. Áp lực lớn này đã dẫn đến sự suy giảm nghiêm trọng trữ lượng của nhiều loài động vật. Một số lượng lớn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Buôn bán trái phép ĐVHD làm giảm lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, tạo doanh thu bất hợp pháp, gây bất ổn an ninh quốc gia và nguy cơ xuất hiện, lây lan các dịch bệnh truyền nhiễm mới, đồng thời ảnh hưởng xấu tới hình ảnh của Việt Nam trong việc thực thi các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 thì: “*Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu*

trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [33]. Vì vậy để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả hoạt động đấu tranh, xét xử tội phạm nói chung và tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì các cơ quan điều tra, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng phải nhận thức và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của ngành.

Trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng Đảng, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức Đảng, của đảng viên đang công tác tại cơ quan tiến hành tố tụng. Chủ động khẩn trương nghiên cứu, đề xuất việc đổi mới cơ chế đào tạo, tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ trên cơ sở khẳng định đây là một nghề đặc thù. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự.

Đề xuất, kiến nghị liên ngành Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành văn bản hướng dẫn thay thế Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT để việc áp dụng pháp luật đối với các tội phạm liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm được thống nhất với BLHS 2015.

+ Khoản 2 Điều 244 quy định: *“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 05 đến 10 năm: e, Số lượng động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc số lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cùng loại của từ **07 đến 10 cá thể lớp thú**, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, lớp bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể lớp khác thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”*

Khoản 3 lại quy định: “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm: a) Số lượng động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc số lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cùng loại của từ 08 cá thể lớp thú trở lên, 11 cá thể lớp chim, lớp bò sát trở lên hoặc 16 cá thể lớp khác trở lên thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*”.

Vì vậy, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm nghiên cứu, rà soát lại để sửa đổi điều luật theo hướng quy định tại điểm a khoản 3 thành: “...từ 11 cá thể lớp thú trở lên...”. Quy định như vậy sẽ không bị mâu thuẫn với điểm e khoản 2 Điều 244 và tạo sự thống nhất với việc chuyển khung hình phạt quy định đối với các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm khác trong điều luật.

3.2.3. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự, đảm bảo thống nhất trong việc hiểu và áp dụng pháp luật.

Áp dụng pháp luật hình sự là một hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực tư pháp của Nhà nước, được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra nhằm cá biệt hóa những quy định của pháp luật hình sự vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, pháp nhân cụ thể.

Như vậy có thể thấy, áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan THTT được thực hiện bởi những người THTT, mang tính tổ chức và để thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước. Hoạt động này có ý nghĩa đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào áp dụng trong thực tiễn để giải quyết vụ án hình sự.

Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự (hay còn được gọi là ban hành văn bản quy phạm pháp luật hình sự) là hoạt động chủ yếu và quan trọng nhất của hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật

hình sự. Đây là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp hình sự ban hành các văn bản có chứa đựng các nội dung nhằm thống nhất cách hiểu và cách áp dụng pháp luật hình sự trong phạm vi cụ thể khi giải quyết vụ án hình sự. Bên cạnh việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự, hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự còn được thể hiện qua nhiều hình thức khác với nội dung nhằm giải thích và hướng dẫn cách thức vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn.

Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự là cầu nối giúp cho việc đưa các quy phạm pháp luật hình sự được vận dụng một cách trơn tru vào hoạt động thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan THTT. Việc hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự vì vậy vừa phải đáp ứng được yêu cầu cập nhật những nội dung mới nhất của các quy phạm pháp luật hình sự, đặc biệt là những sửa đổi, bổ sung của các quy phạm này; vừa phải thể hiện được vai trò là “người thầy” chỉ dẫn thức thời cách hiểu và cách vận dụng các quy phạm ấy vào trong hoạt động tố tụng, tức là việc chỉ dẫn và giải thích này vừa phải đúng nhưng vừa cần phải nhanh chóng để sớm đem lại hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tế.

Ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLHS năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2017. Các quy định trong BLHS lần này có nhiều điểm mới so với BLHS hiện hành. Vì vậy, khi các quy định của luật có hiệu lực áp dụng trên thực tế sẽ không tránh khỏi những khó khăn trong việc hiểu và áp dụng một cách đúng đắn tinh thần của điều luật.

Do những văn bản hướng dẫn cho hoạt động xét xử án hình sự của TAND tối cao chưa đầy đủ, cụ thể nên trong thực tiễn nhiều TAND cấp dưới thường vận dụng linh hoạt những hướng dẫn của TAND tối cao để áp dụng cho từng vụ án cụ thể, nhưng các địa phương hiểu và thực hiện các

hướng dẫn của TAND tối cao đôi khi còn khác nhau; đặc biệt là đối với các vụ án phức tạp có liên quan đến động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ hiện nay còn có nhiều vướng mắc trong xử lý.

Vì vậy, trong thời gian tới các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục đổi mới công tác xây dựng pháp luật, tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, mang tính khả thi cao, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng vào thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

3.2.4. Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật.

Cần phải xác định rõ mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan điều tra, Tòa Án, Viện Kiểm sát trên cơ sở gắn liền với chức năng, nhiệm vụ đã được pháp luật qui định, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải không ngừng rèn luyện nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm để hoàn thành những nhiệm vụ khó khăn trong thời gian tới.

3.2.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh đối với tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ngoài việc, thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu được tiến hành thông qua việc giải quyết các vụ án hình sự cụ thể, các cấp, các ngành cần phải áp dụng nhiều hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng để thu hút mọi tầng lớp nhân dân.

Các cơ quan cần có sự phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng cách viết bài theo chuyên mục giải thích pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, cũng như đưa tin về kết quả phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Bên cạnh đó, cần tăng cường tổ chức phối kết hợp có hiệu quả hoạt động của các cơ quan tuyên truyền (Tur pháp, Tuyên giáo, Văn hoá thông tin, Cơ quan truyền thông các cấp).

3.2.6. Các giải pháp khác

Bên cạnh các giải pháp liên quan tới quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật và hoàn thiện năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật, để đạt được hiệu quả cao trong công tác áp dụng pháp luật hình sự còn cần phải thực hiện tốt các giải pháp có ý nghĩa tác động bên ngoài, cụ thể:

- Hiện nay, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan điều tra, Tòa án, Viện Kiểm sát còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, ngoài đồng lương cơ bản ra thì hầu như không còn thu nhập gì khác. Trong khi đó, hoạt động nghề nghiệp của họ lại có tính chất đặc thù, có cường độ lao động cao; đầu tư về trí tuệ lớn; trách nhiệm nặng nề. Vì vậy cần thực hiện tốt chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp sẽ tạo điều kiện giúp họ giảm bớt khó khăn, yên tâm nhiệt tình công tác.

Do đó cần tạo các điều kiện thuận lợi về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và nhà ở công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là những người được luân chuyển từ tỉnh về huyện, từ huyện này sang huyện khác, những người ở các tỉnh xa về.

- Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các trang thiết bị có ý nghĩa phục vụ cho công tác của những người THTT khi giải quyết các vụ án hình sự. Việc thay thế các trang thiết bị lạc hậu bằng những trang thiết bị hiện đại, đưa vào sử dụng các trang thiết bị có tính công nghệ cao.

- Nghiên cứu sửa đổi các thủ tục tố tụng trong giải quyết một vụ án hình sự theo hướng: rút gọn các thủ tục TTHT; loại bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và gây phiền hà cho người dân tiếp cận công lý.

Kết luận Chương 3

Với những nội dung về lý luận và thực tiễn được phân tích, đánh giá trong Chương 1 và Chương 2 là cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong Chương 3. Đề tài đưa ra đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các giải pháp cụ thể là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất trong việc hiểu và áp dụng pháp luật, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho người dân; đảm bảo chính sách đãi ngộ về vật chất và tinh thần đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

KẾT LUẬN

Quy định về loại tội phạm liên quan đến ĐVHD, quý hiếm mà nay là tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đã có lịch sử hình thành và phát triển từ rất lâu. Tuy nhiên, cho đến nay việc nâng cao hiệu quả xử lý loại tội phạm này vẫn còn nhiều khó khăn, với những vướng mắc, bất cập cả về mặt lý luận và thực tiễn đấu tranh cũng như nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Đề tài luận văn được xây dựng trong bối cảnh thành phố Hà Nội đang diễn ra rất nhiều hoạt động tàng trữ, vận chuyển, nuôi nhốt, giết hại động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ với mục đích góp phần giải quyết vấn đề bức thiết hiện nay trong đấu tranh với tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đề tài được xây dựng trên cơ sở 3 chương: với các nội dung về mặt lý luận trong Chương 1 giải quyết vấn đề về quá trình hình thành và phát triển quy định đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, làm nổi bật những yếu tố cấu thành và trách nhiệm hình sự của tội này. Chương 2 của đề tài tập trung phân tích chủ yếu về thực trạng phát hiện, xử lý đối với tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Với những nội dung đã được xây dựng trong Chương 1 và Chương 2, đề tài đã đưa các biện pháp nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi xã hội; góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên với sự phát triển bền vững vốn có, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2011), *Báo cáo số 752/BC-BCA-C41 ngày 22/11 về tổng kết 05 năm công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm môi trường giai đoạn 2006 - 2011*, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2007), *Công văn số 515/KL-VPCITES ngày 14/5 hướng dẫn đăng ký trại nuôi động vật hoang dã quy định*, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), *Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9 về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi*, Hà Nội.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), *Thông tư số 59/2010/TT- BNNPTNT ngày 19/10 ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (gọi tắt là Công ước CITES)*, Hà Nội.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*, Hà Nội.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011), *Dự thảo Nghị định quy định về tiêu chí xác định loài, chế độ quản lý và bảo vệ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2006), *Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng*, Hà Nội.

8. Chính phủ (2006), *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2006), *Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8 về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 24/2008/CT-TTg ngày 08/8 về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời kỳ hội nhập*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đa dạng sinh học*, Hà Nội.
12. Cục Cảnh sát Môi trường, Tổng cục Cảnh sát điều tra, phình, chống tội phạm, Bộ Công an (2008), *Báo cáo chuyên đề điều tra chống buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã*, Hà Nội.
13. Đoàn thư ký kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XII (2008), *Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại các tổ đại biểu về dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
14. Hội đồng Bộ trưởng, (1992), *Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/01 về việc ban hành danh mục động vật, thực vật rừng quý hiếm*, Hà Nội.
15. Đặng Huy Huỳnh, (2010), "Các loài động vật hoang dã nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, thực trạng và giải pháp bảo tồn ở Việt Nam", *rimf.org.vn*, ngày 29/12.
16. Châu Loan (2011), "Con tê giác một sừng cuối cùng tại Việt Nam đã bị giết", *Báo Tin tức*, ngày 25/10.
17. Phạm Văn Lợi (2004), *Tội phạm về môi trường: Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Phạm Văn Lợi (2010), "Tội phạm môi trường trong pháp luật hình sự của một số nước Đông Nam Á", *nea.gov.vn*, ngày 28/06/2010.
19. Xuân Long (2009), "Công chức, doanh nhân "xài"... động vật hoang dã nhiều nhất", *tuoitre.com.vn*, ngày 12/8.
20. Lê Thị Tuyết Mai (2005), *Hoạt động của lực lượng cảnh sát kinh tế trong phòng ngừa và điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
21. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 356
- Lê Nhung (2010), "Mua bán mật gấu trái phép, chỉ phạt hành chính", *Báo Gia đình và Xã hội*, ngày 15/6.
22. Văn Phong (2008), "Buôn bán hổ sống giữa Hà Nội", *tienphong.net*, ngày 8/01.
23. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, Phần các tội phạm, tập VIII: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; Các tội phạm về môi trường*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Quốc hội (1980), *Hiến pháp*, Hà Nội
25. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
26. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội
27. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ và phát triển rừng*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2005), *Luật Bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2008), *Luật Đa dạng sinh học*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội
33. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội

34. Mộng Thoa - Anh Chiến (2011), "Tận diệt động vật hoang dã để ăn, nhậu!", *Báo Lao động*, ngày 24/8.
35. Đào Lê Thu (2004), *Các tội phạm về môi trường - so sánh giữa luật hình sự Thụy Điển và luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
36. Trung tâm Con người và thiên nhiên (2009), "Xử lý tội phạm môi trường ở Việt Nam: Những lỗ hổng luật pháp", *thiennhien.net*, ngày 25/02.
37. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
38. Ủy ban Tư pháp Quốc hội khóa XII (2008), *Báo cáo thẩm tra về dự án sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 1838/BC-UBTP12*, Hà Nội.